

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HS-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phạm Tấn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn An Hữu và bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Thư ký phiên Tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung và ông Nguyễn Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trương Thái N, sinh ngày 02/7/1980 tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: số I - I đường B, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: không; con ông Trương H và bà Thái Thị Thu N1; vợ là Tăng Kim N2 và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 13/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 10 năm tù về tội "Buôn lậu".

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam K – Bộ C1 (Có mặt).

2. Trương Văn L, sinh ngày 19/5/1966 tại thành phố C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: số F đường C, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương V (đã chết) và bà Bành Thị H1 (đã chết); vợ là Lâm Tuyết D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 13/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Buôn lậu". Đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Lương Tường H2 – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: Tổ A, ấp V, Thị trấn C, Huyện C, An Giang (có mặt)

Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế khu vực C2 - C, tỉnh An Giang; địa chỉ: số E P, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn H3 – Đội trưởng, Đội kiểm tra thuế 1 - Đại diện Chi cục thuế khu vực C2, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Tăng Kim N2, sinh năm 1988; nơi cư trú: số I - I đường B, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; (có mặt)

2. Trương Duy Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: số F đường C, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; (có mặt)

3. Bùi Thụy Phương Đ1, sinh năm 1980; nơi cư trú: số D đường N, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

4. Phạm Văn D1, sinh năm 1956; nơi cư trú: số A, đường C, khóm F, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

5. Phạm Nam Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: số A, đường C, khóm F, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

Người làm chứng: Huỳnh Trương Kim T1, Nguyễn Thanh T2, Trần Thị Khả Á, Nguyễn Thị Uyên N3, Nguyễn Thị Hoàng M, Chương Thanh T3, Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Thúy A (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ, mua bán đá quý và gia công vàng trang sức mỹ nghệ từ năm 2014 đến năm 2021, các Doanh nghiệp tư nhân (D2) tiệm V1 và DNTN tiệm V2 đã bán hàng nhưng không xuất hoá đơn, doanh thu bỏ ngoài sổ sách kế toán; không kê khai nộp thuế đúng với doanh thu thực tế, nhằm mục đích trốn thuế cụ thể như sau:

- DNTN tiệm V1 do Trương Thái N là chủ doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ, mua bán đá quý và gia công vàng trang sức mỹ nghệ. Quá trình mua bán vàng từ năm 2014 đến năm 2021, N phân công nhân viên là Tăng Kim N2 (vợ của N), Trương Thanh C, Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Thúy A sử dụng 02 phần mềm quản lý mua, bán vàng (phần mềm “QUANLYVANG” và “MANAGER”) để theo dõi việc mua bán vàng lẻ và vàng sỉ hằng ngày. Khi kê khai báo thuế hàng tháng, N không căn cứ doanh thu thực tế trên phần mềm mà tự cân đối rồi cung cấp số liệu doanh thu cho Bùi

Thụy Phương Đ1 (Kế toán theo thời vụ) để Đ1 lập không chứng từ, hóa đơn để kê khai nộp thuế.

DNTN tiệm V3 vàng không xuất hóa đơn với tổng số tiền 12.215.754.305.061 đồng và doanh số mua vàng là 3.050.889.861.150 đồng, nhưng chỉ cung cấp doanh số cho Đ1 lập thủ tục kê khai thuế tổng số tiền 1.213.864.940.600 đồng và chỉ nộp số tiền thuế là 3.577.997.484 đồng, để trốn tiền thuế số tiền 39.785.087.984 đồng, trong đó: Thuế giá trị gia tăng (GTGT) 19.018.385.622 đồng, T4 thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20.766.702.362 đồng.

- DNTN tiệm V2: Trương Văn L là chủ doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ, mua bán đá quý và gia công vàng trang sức mỹ nghệ. Quá trình mua bán vàng từ năm 2014 đến năm 2021, L phân công nhân viên là Huỳnh Trương Kim T1, Trương Duy Đ (con của L), Nguyễn Thị Phương T5, Trần Thị Khả Á, Nguyễn Ngọc Uyển N4, Nguyễn Thị Hoàng M sử dụng 02 phần mềm quản lý mua, bán vàng là phần mềm “QUANLYVANG” và “VANGTRANG” để theo dõi, mua bán vàng. Khi kê khai báo nộp thuế hàng tháng, L không căn cứ doanh thu thực tế trên phần mềm mà tự cân đối rồi cung cấp số liệu doanh thu cho Phạm Văn D1, Phạm Nam Q (là các kế toán thời vụ) với tổng số tiền 1.437.853.980.000 đồng để D1, Q lập không chứng từ, hóa đơn để kê khai nộp thuế. Liêm bán vàng không xuất hóa đơn với tổng số tiền 6.098.989.974.138 đồng và doanh số mua vàng là 218.324.002.770 đồng, nhưng chỉ cung cấp số liệu doanh thu cho D1 và Q để kê khai thuế với tổng số tiền 1.437.853.980.000 đồng và chỉ nộp số tiền thuế là 4.305.404.500 đồng, để trốn đóng tiền thuế số tiền 16.177.163.681 đồng, trong đó: Thuế GTGT 8.258.719.207 đồng, Thuế TNDN 7.918.444.474 đồng.

* Căn cứ Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế số: 01/KL-GĐTP ngày 15/3/2024 của T6, kết luận:

Theo quy định Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì người nộp thuế có nghĩa vụ khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế. DNTN tiệm V2 đã có hành vi bán hàng không xuất hóa đơn, bỏ ngoài sổ sách kế toán, kê khai không đúng, kê khai không đầy đủ doanh thu thực tế của hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra nhằm làm giảm số thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp. Hành vi vi phạm pháp luật nêu trên của chủ DNTN tiệm V2 được xác định là hành vi trốn thuế, đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 16.177.163.681 đồng. Trong đó: Thuế GTGT: 8.258.719.207 đồng; Thuế TNDN: 7.918.444.474 đồng.

Trách nhiệm gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước thuộc về chủ DNTN tiệm V4

* Căn cứ Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế số: 02/KL-GĐTP ngày 15/3/2024 của T6, kết luận:

Theo quy định Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì người nộp thuế có nghĩa vụ khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế. DNTN tiệm V1 đã có hành vi bán hàng không xuất hóa đơn, bỏ ngoài sổ sách kế toán, kê khai không đúng, kê khai không đầy đủ doanh thu thực tế của hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra nhằm làm giảm số thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp. Hành vi vi phạm pháp luật nêu trên của DNTN tiệm V1 được xác định là hành vi trốn thuế, đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 39.785.087.984 đồng. Trong đó: Thuế GTGT: 19.018.385.622 đồng và Thuế TNDN: 20.766.702.362 đồng.

Trách nhiệm gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước thuộc về chủ DNTN tiệm V1.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Ngoài ra, các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L đều khai dữ liệu phần mềm quản lý vàng thể hiện không chính xác doanh thu bán ra vì trên phần mềm còn ghi nhận các dữ liệu xuất vàng ra khỏi tiệm như vàng hư, đổi, trả, cho sỉ mượn...nên yêu cầu được khấu trừ các số liệu không phải doanh thu bán ra khi tính thuế.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ và liên quan có mặt trình bày như nội dung cáo trạng đã nêu. Bà Tăng Kim N2 đã thay bị cáo Trương Thái N nộp tổng cộng 43.304.090.000 đồng, bà N2 không yêu cầu bị cáo N hoàn trả lại số tiền này; Ông Trương Duy Đ đã thay bị cáo Trương Văn L nộp tổng cộng 19.177.445.000 đồng, ông Đ không yêu cầu bị cáo L hoàn trả lại số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Trương Thái Nguyên hình P chính là hình phạt tiền từ 3.500.000.000 đồng – 4.000.000.000 đồng về tội “Trốn thuế”.

Phạt bổ sung: không áp dụng.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Trương Văn L hình phạt chính là hình phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng – 2.500.000.000 đồng về tội “Trốn thuế”.

Phạt bổ sung: không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 CPU đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong do các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền truy thu thuế, cụ thể: bị cáo Trương Thái N nộp lại số tiền là 39.785.087.984 đồng; bị cáo Trương Văn L phải nộp lại số tiền là 16.177.163.681 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 43.304.090.000 đồng do gia đình bị cáo Trương Thái N nộp và số tiền 19.177.445.000 đồng do gia đình bị cáo Trương Văn L nộp.

Người bào chữa cho các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L trình bày: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét thêm tình tiết các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền đã trốn thuế theo Cáo trạng đã quy kết để xử phạt các bị cáo mức phạt tiền ở đầu khung mà Viện kiểm sát đã đề nghị, cụ thể: xử phạt bị cáo Trương Thái N 3.500.000.000 đồng và bị cáo Trương Văn L là 2.000.000.000 đồng.

Người đại diện cho Chi cục thuế khu vực C2 trình bày: Thống nhất điều, khoản Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền mà các bị cáo đã trốn thuế. Các bị cáo cũng đã khắc phục được toàn bộ hậu quả nên mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L.

Các bị cáo không có bào chữa và tranh luận gì khác, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động

cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2021, Trương Thái N là chủ doanh nghiệp D2 tiệm V1 và Trương Văn L là chủ doanh nghiệp D2 tiệm V2 đã có hành vi bán hàng không xuất hóa đơn, bỏ ngoài sổ sách kế toán, kê khai không đúng, kê khai không đầy đủ doanh thu thực tế của hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra nhằm làm giảm số thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp, cụ thể:

- DNTN tiệm V1 trốn thuế với tổng số tiền là 39.785.087.984 đồng (trong đó thuế GTGT là 19.018.385.622 đồng, thuế TNDN là 20.766.702.362 đồng).

- DNTN tiệm V2 trốn thuế với tổng số tiền là 16.177.163.681 đồng (trong đó thuế GTGT là 8.258.719.207 đồng, thuế TNDN là 7.918.444.474 đồng).

Hành vi của các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L đã phạm tội “Trốn thuế”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm (tội phạm nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực thuế và tài chính được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do đó, việc đưa ra để xét xử là cần thiết nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy:

Các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L đều là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm pháp luật hình sự, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm đến chế độ quản lý về việc thu thuế, nộp ngân sách được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì mục đích để thu lợi cá nhân các bị cáo đã bất chấp các quy định của nhà nước khi không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên Tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; có nhiều đóng góp, từ thiện tại địa phương. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên, trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả; các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, nếu không bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Mặt khác, tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận đều có tài sản riêng và thu nhập ổn định, có khả năng để thực hiện đầy đủ tiền phạt theo quyết định của Hội đồng xét xử và cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngay sau khi kết thúc phiên tòa. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc nhóm tội xâm phạm lĩnh vực thuế và tài chính; phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và khung hình phạt chính mà điều luật quy định có thể phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L. Điều này cũng phù hợp với quan điểm chung khi xử lý các vụ án về kinh tế trong giai đoạn hiện nay.

[5] Đối với người có liên quan trong vụ án:

- Các kế toán Bùi Thụy Phương Đ1, Phạm Văn D1, Phạm Nam Q: Là các kế toán thực hiện việc kê khai thuế cho các DNTN tiệm V1 và Trương Liêm . Quá trình kê khai thuế đã không thực hiện đúng quy trình thao tác nghiệp vụ kế toán, tuy nhiên xét thấy bản thân các kế toán này không phải kế toán trực tiếp tại doanh nghiệp, chỉ làm dịch vụ khai báo thuế theo định kỳ kê khai thuế dựa trên số liệu doanh thu mua vào, bán ra hàng tháng do chủ doanh nghiệp cung cấp, không được chủ doanh nghiệp cung cấp số liệu doanh thu chính xác, đồng thời không biết, không bàn bạc, thống nhất ý chí cùng chủ doanh nghiệp thực hiện hành vi trốn thuế đối với số doanh thu bỏ ngoài sổ kế toán, bán hàng không xuất hóa đơn và cũng không hưởng lợi khác. Tuy nhiên, Đ1, D1, Q giúp sức cho chủ doanh nghiệp lập hóa đơn, chứng từ khống để hợp thức số tiền doanh thu kê khai thuế để được cơ quan thuế chấp nhận, nhưng đến nay chưa có kết luận hành vi của Đ1, D1, Q có vi phạm pháp luật hay không nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tiếp tục làm rõ để điều tra xử lý sau theo quy định.

- Các DNTN tiệm V5, DNTN tiệm vàng Kim Ngọc M1 và Công ty TNHH MTV X có dấu hiệu trốn thuế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thêm một lần nữa.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 CPU đã qua sử dụng là phương tiện, công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền các bị cáo đã trốn thuế, cụ thể: bị cáo Trương Thái N phải nộp lại số tiền là 39.785.087.984 đồng; bị cáo Trương Văn L phải nộp lại số tiền là 16.177.163.681 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo Trương Thái N đã thay bị cáo nộp số tiền 43.304.090.000 đồng, gia đình bị cáo Trương Văn L đã thay bị cáo nộp số tiền 19.177.445.000 đồng, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L phạm tội “Trốn thuế”.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt chính là phạt tiền bị cáo Trương Thái N số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt chính là phạt tiền bị cáo Trương Văn L số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước: 02 CPU đã thu giữ của bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Trương Thái N số tiền 39.785.087.984 đồng; bị cáo Trương Văn L số tiền 16.177.163.681 đồng.

- Tạm giữ số tiền 43.304.090.000 đồng của bị cáo Trương Thái N, số tiền 19.177.445.000 đồng của bị cáo Trương Văn L để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ số tiền và tài sản nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang lập ngày 12/9/2024 và các Biên lai thu số 0000692 ngày 09/9/2024; 0000121 ngày 20/12/2024; 0000129 ngày 26/12/2024; 0000693 ngày 09/9/2024 và 0000120 ngày 20/12/2024 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo Trương Thái N và Trương Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Tài

